

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Ông Nguyễn Văn Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 242/2018/TLST - HNGĐ ngày 25/9/2018 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú: Xóm 4, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã K, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ cư trú: Tổ 81, ấp Đ 2, xã TT, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H đăng ký kết hôn ngày 02/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày

cưới vợ chồng sinh sống tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và lối sống. Anh về quê sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị H vẫn ở thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 15/10/2003, hiện đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên, anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/9/2018, bị đơn chị Phạm Thị H xác nhận: Lời khai của anh C là chính xác, chị đồng ý với quan điểm của anh C về ba mối quan hệ. Toàn bộ văn bản, giấy tờ của Tòa án, chị đề nghị giao cho anh C, anh C sẽ có trách nhiệm giao lại cho chị. Chị đề nghị được giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C được ly hôn với chị Phạm Thị H.
- Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2003 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.
- Về án phí: Anh C phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh C chị H có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà giải quyết, vụ án không có yếu tố nước ngoài theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh C và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo thủ tục chung;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Anh C, chị H xác nhận quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn không thể dàn xếp được. Anh chị đã sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai. Anh C xin ly hôn, chị H đồng ý, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho anh C được ly hôn với chị H là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh C và chị H thỏa thuận để anh C tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 15/10/2003, anh C tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu U đề nghị được ở với anh C. Sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các bên và cháu U được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên, các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Anh C phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Anh C, chị H vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Phạm Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2003 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000237 ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Anh C, chị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Lưu hồ sơ,
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phú